

## TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Công ty TNHH BMACARE

Số nhà 136, Tổ dân phố 6, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Tên sản phẩm: **Hóa chất thử nghiệm miễn cảm kháng sinh ComASP**

**Bao gồm: ComASP Vancomycin, ComASP Oritavancin, ComASP Antifungal**

### Hướng dẫn sử dụng:

#### Quy trình cho ComASP Vancomycin, ComASP Oritavancin:

1. Lấy một bảng ComASP để ở nhiệt độ phòng trong 10 phút, (Không LOẠI BỎ BAO cho đến khi thực hiện xong cả hai phép thử.)
2. Chuẩn bị huyền phù của sinh vật thử nghiệm bằng phương pháp huyền phù khuẩn lạc trực tiếp hoặc phương pháp tăng sinh. Chuẩn hóa huyền phù đến tỷ trọng của theo tiêu chuẩn McFarland 0,5.
3. Tối ưu trong vòng 15 phút sau khi chuẩn bị, pha loãng huyền phù đã điều chỉnh 1:20 trong nước muối; gọi là Dung dịch A
4. Thêm 0,4 ml Dung dịch A vào ống môi trường MH II \* được cung cấp trong bộ dụng cụ để thu được Dung dịch B.
5. Phân phối 100 µl dung dịch B vào mỗi giếng (thử nghiệm A hoặc B).
6. Đặt bảng bằng nắp được cung cấp và ủ ở  $36 \pm 2^\circ \text{C}$  trong 16-20 giờ.

\*MH II: (Beef Extract 3.0 g; Acid Hydrolysate of Casein 17.5 g; Starch 1.5 g; Nước cất 1000 ml; pH  $7.3 \pm 0.1$  (được điều chỉnh với các loại muối thích hợp để cung cấp 20-25 mg / l canxi và 10-12,5 mg / l magiê).

#### Quy trình cho ComASP Antifungal

1. Lấy một bảng ComASP để ở nhiệt độ phòng trong 10 phút, (Không LOẠI BỎ BAO cho đến khi thực hiện xong cả hai phép thử.)
2. Chuẩn bị huyền phù của sinh vật thử nghiệm bằng phương pháp huyền phù khuẩn lạc trực tiếp hoặc phương pháp tăng sinh. Chuẩn hóa huyền phù đến tỷ trọng của theo tiêu chuẩn McFarland 0,5.
3. Tối ưu trong vòng 15 phút sau khi chuẩn bị, pha loãng huyền phù đã điều chỉnh 1:20 trong nước muối; gọi là Dung dịch A
4. Thêm 0,1 ml Dung dịch A vào ống môi trường RPMI \* được cung cấp trong bộ dụng cụ để thu được Dung dịch B.
5. Phân phối 200 µl dung dịch B vào mỗi giếng (thử nghiệm A hoặc B).
6. Đặt bảng bằng nắp được cung cấp và ủ ở  $35 \pm 2^\circ \text{C}$  trong 24 giờ.



\* RPMI Broth: RPMI 1640 10.4 g; MOPS 34.53 g; Distilled Water 1000 ml; pH 7.0 ± 0.1

## ĐỌC KẾT QUẢ

Cuối thời kỳ ủ, quan sát sự phát triển trong giếng và thiết lập MIC, tức là nồng độ kháng sinh thấp nhất ức chế sự phát triển có thể nhìn thấy được.

Đọc kết quả trực quan hoặc tự động. Ánh sáng gián tiếp trên nền tối có thể cải thiện việc đọc kết quả khi đọc bằng mắt thường.

Sự phát triển xuất hiện dưới dạng đục hoặc như cái nút ở đáy của giếng (so sánh với lượng sinh trưởng trong giếng kiểm soát sinh trưởng).

Đầu tiên, đánh giá giếng kiểm soát tăng trưởng. Đảm bảo rằng chúng tạo điều kiện tích cực cho sự tăng trưởng. Nếu không, hãy kiểm tra khả năng sống của các khuẩn lạc đã chọn và lặp lại thử nghiệm bằng cách sử dụng hàng mới trong cùng bảng hoặc bảng mới và cấy vi sinh vật phát triển gần đây.

(Ghi lại các kết quả vào Phiếu kết quả kiểm tra (sao chép thành nhiều mẫu nếu cần).

## GIẢI THÍCH KẾT QUẢ

MIC thu được phải được diễn giải theo các tiêu chí diễn giải EUCAST hoặc CLSI hiện hành.

LƯU Ý: Mỗi bảng riêng lẻ được sử dụng để thực hiện hai thử nghiệm. Nếu chỉ thực hiện một phép thử (A hoặc B), hãy sử dụng phim được cung cấp trong bộ kit để dán niêm phong các hàng đã cấy để ngăn chặn bất kỳ sự rò rỉ nào của chất lỏng bị ô nhiễm. Sau đó, trả bảng lại vào bao bì hút ẩm của riêng nó và vào tủ lạnh.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH BMACARE



GIÁM ĐỐC

Dương Thị Phương Thảo